BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀO DỰ THẢO
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Đơn vị xin ý kiến: Các Sở: Tư pháp; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã Hội; Ban Dân tộc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các Chi cục: PTNT, TT&BVTV, CNTY&TS, QLCL NLS&TS, Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Số đơn vị có văn bản tham gia ý kiến: 13 đơn vị, gồm: Tư pháp; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã Hội; Ban Dân tộc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện: Chiêm Hóa, Hàm Yên, Sơn Dương, Lâm Bình và UBND thành phố Tuyên Quang và Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Số đơn vị không có văn bản tham gia ý kiến: UBND huyện Na Hang, UBND huyện Yên Sơn

STT	Tên đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến	Ý kiến của cơ quan soạn thảo
1	**Sở Tư pháp** Văn bản số 518/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 25/4/2023	1. Căn cứ ban hành - Đề nghị bổ sung căn cứ *"Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017"* vào sau căn cứ thứ nhất, vì khoản này sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.	- Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia.
		- Đề nghị bỏ căn cứ thứ 5, 6, 7: *"Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc*	- Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia.

		gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025", vì không phải là căn cứ ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)*: *"Căn cứ ban hành văn bản **là văn bản quy phạm pháp luật** có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành…".* 2. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét một số nội dung sau: *Thứ nhất*, dự thảo Nghị quyết đang quy định **mức hỗ trợ tối đa** đối với dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng. Tuy nhiên, **Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định mức hỗ trợ tối đa** đối với dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng và quy định cơ quan chủ quản chương trình quy định về **mức hỗ trợ cụ thể** thực hiện một dự án hỗ trợ. Tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC có quy định giao cho UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp (đối với các dự án/kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện) **quyết định mức hỗ trợ cụ thể** hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp đảm bảo theo quy định khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Tại Thông báo số 08/TB-UBND UBND tỉnh cũng đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu **quy định về mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một dự án** hỗ trợ phát triển sản xuất phân cấp tại	- Tại điểm a khoản 5 Điều 21, điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP chỉ quy định tỷ lệ hỗ trợ tối đa trong thực hiện một dự án, chưa quy định mức hỗ trợ tối đa cụ thể của một dự án để làm cơ sở thực hiện. Đồng thời, việc quy định 1 mức hỗ trợ thực hiện 01 dự án để tạo điều kiện cho các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể và nhu cầu của người dân để xây dựng dự án thực hiện đảm bảo phù hợp, linh hoạt trong các điều kiện phát sinh.

		tại điểm a, khoản 5, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. *Thứ hai*, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị **tối đa là 3.000 triệu đồng/dự án đối với tất cả các dự án**, quy định **mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng tối đa là 600 triệu đồng/dự án**, đối với hộ gia đình thì theo tiêu chí hộ nghèo (tối đa 20 triệu đồng/hộ), hộ cận nghèo (tối đa 12 triệu đồng/hộ), hộ khác (tối đa 8 triệu đồng/hộ). Quy định này có thể sẽ dẫn đến trường hợp mức hỗ trợ nêu trên vượt mức tối đa tính theo % tổng chi phí thực hiện một dự án theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 và điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; hơn nữa, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ không phân biệt theo dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, địa bàn khó khăn và địa bàn khác là chưa phù hợp với Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. **3. Điều 4:** Viện dẫn thực hiện theo Luật Ngân sách là chưa đầy đủ, đề nghị chỉnh sửa viện dẫn cho chính xác. **4. Điều 5** quy định: *"Những nội dung không quy định tại nghị quyết này, thực hiện theo các văn bản hiện hành liên quan của cấp có thẩm quyền"*. Đề nghị đưa nội dung này về Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh), đồng thời chỉnh sửa như sau: *"Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành"*. **5. Khoản 2 Điều 6 (Tổ chức thực hiện)** quy định: *"Giao thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh,*	- Mức hỗ trợ trong dự thảo là mức tối đa; trong quá trình xây dựng dự án tùy vào tình hình thực tế để tính toán sao cho đảm bảo đúng với các quy định. - Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia. - Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia.

		các Tổ đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này". Đề nghị bổ sung người có trách nhiệm giám sát việc thực hiện dự thảo Nghị quyết là đại biểu HĐND tỉnh theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015: *"Đại biểu HĐND chất vấn Chủ tịch UBND, thành viên khác của UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND cùng cấp;* ***trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật****; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương".* **6. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo** Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)* như: Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản, tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản; điều trong văn bản phải có tên và tên điều trình bày bằng kiểu chữ đứng, đậm; số	- Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia. - Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia.

		thứ tự các khoản trình bày bằng kiểu chữ đứng, không đậm;.v.v…	
2	**Sở Tài chính** Văn bản số 806/STC-QLNS ngày 19/4/2023	1. Đối với dự thảo Tờ trình: - Đề nghị bổ sung thêm các căn cứ cụ thể để ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh đối với từng nội dung và quy định về thẩm quyền ban hành; - Đề nghị bổ sung đánh giá tình hình thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh hiện nay, các khó khăn vướng mắc làm căn cứ đề xuất ban hành Nghị quyết. Thống kê danh mục các dự án đang dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 theo lĩnh vực cụ thể và dự toán của các dự án trên cơ sở hồ sơ đề xuất của đơn vị chủ trì và kế hoạch phân bổ của huyện, thành phố (nếu có) 2. Dự thảo Nghị quyết	- Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia. - Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thuộc loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 (*Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên)*; cụ thể theo Điều 21, Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP. Việc tổng hợp, đề xuất danh mục các dự án thực hiện theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc và chỉ đạo tại Thông báo số 08/TB-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh về kết luận cuộc họp đánh giá tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang; hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng danh mục các dự án trình UBND tỉnh phê duyệt trong thời gian tới.

		- Đề nghị xem xét quy định thành 02 khoản, trong đó quy định riêng đối tượng thực hiện dự án và đối tượng liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án. - Dự thảo Nghi quyết quy định 01 mức hỗ trợ cho 01 loại dự án chung, không phân chia các loại dự án theo tính chất, quy mô, không quy định ưu tiên hỗ trợ từ nguồn NSNN đối với các nội dung theo khoản 4 Điều 21 và khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Đồng thời cũng không thuyết minh cơ sở định mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết. Do đó đề nghị xem xét bổ sung thuyết minh xây dựng mức hỗ trợ, xem xét quy định mức hỗ trợ theo tính chất, quy mô đối với từng loại dự án.	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để tạo sự thống nhất trong quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và thuận lợi trong quá trình thực hiện. - Việc quy định 1 mức hỗ trợ thực hiện 01 dự án để tạo điều kiện cho các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể và nhu cầu của người dân để xây dựng dự án thực hiện đảm bảo phù hợp, linh hoạt trong các điều kiện phát sinh. Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị dự thảo căn cứ một số dự án liên kết đã và đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh (Liên kết chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trâu thịt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm cây Dược Liệu); đồng thời, tham khảo chính sách của một số tỉnh đã ban hành Nghị quyết, Quyết định quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia *(Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*. Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng dự thảo căn cứ trên cơ sở các quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 *(theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của*

			Chính phủ) và mức tăng so với quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 *(theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ)*; đơn vị soạn thảo đề xuất định mức hỗ trợ thực hiện 1 dự án tăng với tỷ lệ tương ứng so với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của HĐND tỉnh.
		- Đối với hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng: Đề nghi xem xét quy định rõ mối liên hệ giữa mức hỗ trợ tối đa của dự án với định mức hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác; xem xét quy định đối với cộng đồng là tổ hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.	- Trên cơ sở các quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ) và mức tăng so với quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ); đơn vị soạn thảo đề xuất định mức hỗ trợ cho các đối tượng hộ gia đình tại dự thảo tăng với tỷ lệ tương ứng so với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của HĐND tỉnh.
		- Đối với quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị xem xét quy định đối với trường hợp đối tượng tham gia là tổ hợp tác; xem xét quy định phù hợp với điểm b khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết) và điểm b khoản 5 Điều 22 (Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn).	- Tổ hợp tác khi tham gia dự án thì được coi như là đối tượng tổ, nhóm cộng đồng theo quy định tại Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

3	**Sở Kế hoạch và Đầu tư** Văn bản số 830/SKH-KTN ngày 04/5/2023	- Đối với tên dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa thành: Quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo phù hợp với phạm vi điều chỉnh và thời gian thực hiện. - Đề nghị bổ sung căn cứ, giải trình đối với mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng tại dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.	- Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia. - Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị dự thảo căn cứ một số dự án liên kết đã và đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh (Liên kết chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trâu thịt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm cây Dược liệu); đồng thời, tham khảo chính sách của một số tỉnh đã ban hành Nghị quyết, Quyết định quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia *(Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).* Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng dự thảo căn cứ trên cơ sở các quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 *(theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ)* và mức tăng so với quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 *(theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ)*; đơn vị soạn thảo đề

			xuất định mức hỗ trợ thực hiện 1 dự án tăng với tỷ lệ tương ứng so với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của HĐND tỉnh.
4	**Ban Dân tộc** Văn bản số 225/BDT-SCDT ngày 25/4/2023	Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết có quy định: "*Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt*". Tham gia bổ sung nội dung như sau: *"b) Hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết được cấp tỉnh phê duyệt.* *c) Hỗ trợ tối đa không quá 2.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết được cấp huyện phê duyệt*." Lý do: Căn cứ Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TTT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 quy định: "*2. Phân cấp quản lý* *a) UBND cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi trong huyện.* *b) UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư các dự án gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng và dự án, kế hoạch có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên huyện*".	Quy định 1 mức hỗ trợ tối đa thực hiện 01 dự án để tạo điều kiện cho các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể và nhu cầu của người dân để xây dựng dự án thực hiện đảm bảo phù hợp. Do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

		Do vậy, đối với các dự án liên kết cấp tỉnh, cấp huyện có hoạt động sản xuất trong phạm vi khác nhau, cần có quy định mức hỗ trợ tối đa đối cấp huyện và cấp tỉnh đảm bảo tính phù hợp với quy mô của từng dự án.	
5	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang** Văn bản số 2471/MTTQ-BTT ngày 27/4/2023	- Đề nghị xem xét, bổ sung quy định thành 02 khoản, trong đó quy định riêng đối tượng thực hiện cá dự án và đối tượng có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án ở Điều 2 của dự thảo Nghị quyết *về Đối tượng áp dụng*. - Tại Điều 3. Mức hỗ trợ: Đề nghị xem xét quy định rõ mối liên hệ giữa mức hỗ trợ tối đa của dự án với định mức hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác; xem xét quy định đối với cộng đồng là tổ hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022-NĐ-CP.	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để tạo sự thống nhất trong quy định và thuận lợi trong quá trình thực hiện. - Trên cơ sở các quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ) và mức tăng so với quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ); đơn vị soạn thảo đề xuất định mức hỗ trợ cho các đối tượng hộ gia đình tại dự thảo tăng với tỷ lệ tương ứng so với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của HĐND tỉnh. - Tổ hợp tác khi tham gia dự án thì được coi như là đối tượng tổ, nhóm cộng đồng theo quy định tại Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP
6	**Sở Lao động, Thương binh và Xã hội** Văn bản số 554/SLĐTBXH-XH ngày 21/4/2023	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	

7	**UBND huyện Chiêm Hoá** Văn bản số 839/UBND-NLN ngày 24/4/2023	Đề nghị nâng định mức hỗ trợ tối đa đối với hộ gia đình tham gia dự án: Hộ nghèo, cận nghèo 30,0 triệu đồng/hộ; hộ khác 25 triệu đồng/hộ để thực hiện dự án hỗ trợ đảm bảo quy mô sản xuất hàng hóa	Trên cơ sở các quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 *(theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ)* và mức tăng so với quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 *(theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ)*; đơn vị soạn thảo đề xuất định mức hỗ trợ cho các đối tượng hộ gia đình tại dự thảo tăng với tỷ lệ tương ứng so với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của HĐND tỉnh. Do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
8	**UBND Huyện Hàm Yên** Văn bản số 986/UBND-NLN ngày 20/4/2023	Quy định cụ thể mức hỗ trợ tối đa đối với dự án triển khai trên địa bàn 01 xã, trên địa bàn các xã tại 01 huyện trên địa bàn từ 02 huyện trở lên; quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trì.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì: - Quy định 1 mức hỗ trợ tối đa thực hiện 01 dự án để tạo điều kiện cho các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể và nhu cầu của người dân để xây dựng dự án thực hiện đảm bảo phù hợp. - Không quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án phát triển liên kết theo chuỗi giá trị vì việc hỗ trợ thực hiện dự án sẽ thông qua chủ trì liên kết để hỗ trợ cho người dân.
9	**UBND huyện Sơn Dương** Văn bản số 974/UBND-NLN ngày 09/5/2023	Định mức hỗ trợ tối đa đối với hộ gia đình tham gia dự án: Hộ nghèo 25 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo 25 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo 15 triệu đồng/hộ; hộ khác 10 triệu đồng/hộ	Trên cơ sở các quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ) và mức tăng so với quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (theo

			Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ); đơn vị soạn thảo đề xuất định mức hỗ trợ cho các đối tượng hộ gia đình tại dự thảo tăng với tỷ lệ tương ứng so với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của HĐND tỉnh. Do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
10	**UBND thành phố Tuyên Quang** Văn bản số 1098/UBND-KT ngày 28/4/2023	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
11	**UBND huyện Lâm Bình** Văn bản số 1510/UBND-NLN ngày 05/5/2023	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
12	**Chi cục QLCL NLS&TS** Văn bản số 91/QLCL-CL ngày 25/4/2023	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
13	**Chi cục TT&BVTV** Văn bản số 57/TTBVTV-KT ngày 20/4/2023	Tại Điều 3, khoản 2, đề nghị xem xét, chỉnh sửa nội dung *"Mức hỗ trợ trong một dự án đảm bảo hộ khác không vượt quá hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát nghèo không vượt quá hộ cận nghèo, hộ cận nghèo không vượt quá hộ nghèo"* thành *"Mức hỗ trợ trong một dự án đảm bảo: Hộ khác thấp hơn hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát nghèo thấp hơn hộ cận nghèo, hộ cận nghèo thấp hơn hộ nghèo"*. Lý do: Cụm từ "*không vượt quá"* có thể hiểu là thấp hơn hoặc bằng, mức hỗ trợ được hưởng của hộ khác có thể bằng hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát nghèo có thể bằng hộ cận nghèo, hộ cận nghèo có thể bằng hộ nghèo. Dẫn tới khi áp	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để tạo sự thống nhất trong quy định và thuận lợi trong quá trình thực hiện.

		dụng Nghị quyết, mức hỗ trợ chưa thể hiện được sự ưu tiên giữa các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ khác.	
14	**UBND huyện Na Hang**	Không có văn bản tham gia ý kiến	
15	**UBND huyện Yên Sơn**	Không có văn bản tham gia ý kiến	